TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 82/2024/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 27 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị N, sinh năm 1994

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị N tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có một người là Nguyễn Lê Hoàng Gia H, sinh ngày 08/4/2019 hiện đang sống chung với chị N. Anh Đ và chị N tự nguyện thỏa thuận khi ly hôn, chị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con chung là Nguyễn Lê Hoàng Gia H.

Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết anh Đ có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án có giải thích theo quy định tại các Điều 82, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con nhưng chị N chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị N không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản nên không xem xét.

Về nợ: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị N khai không có nên Tòa án không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm, năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và được cấn trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001469 ngày 08 tháng 01 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ 150.000 đồng (*Một trăm, năm mươi nghìn đồng*) tiền chênh lệch.

Chị Lê Thị N không phải chịu án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- UBND xã Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Trang